TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẦU GIẤY** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/7/2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh

2. Bà Đỗ Hảo Hoàn

***Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Anh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh P, sinh năm 1988

Địa chỉ: 26/2 ngõ 203 đường HQV, tổ 37, phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1987

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: 26/2 ngõ 203 đường HQV, tổ 37, phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh P trình bày:

- Về tình cảm: Tôi và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội ngày 26/11/2009.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại 26/2 ngõ 203 đường HQV, tổ 37, phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội là nhà bố mẹ đẻ tôi. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, quan điểm sống. Chúng tôi thường xuyên cãi vã và từ tháng 3 năm 2018, anh H đã bỏ đi ở đâu không rõ, tôi và gia đình không liên lạc được với anh H. Cho đến nay tôi không biết anh H đang ở đâu, làm gì. Tòa án quận Cầu Giấy đã có quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 23/2019/QĐDS-ST ngày 14/10/2019 đối với anh Bùi Văn H.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Tôi và anh H hai con chung là: Bùi Nguyên P (nam), sinh 30/7/2012 và Bùi MA (nữ), sinh ngày 09/12/2016. Tôi có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản (gồm động sản và bất động sản): Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ: Tôi và anh H không có khoản nợ chung nào cả, nên không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

* Tại phiên tòa: Chị P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như trên và không thay đổi, bổ sung gì.

Ngoài các vấn đề trên, chị P không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa với anh Bùi Văn H. Song anh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng tại tòa án.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đề nghị:

Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh H. Về con chung: Giao cả hai con chung là: Bùi Nguyên P (nam), sinh 30/7/2012 và Bùi MA (nữ), sinh ngày 09/12/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

Về tài sản: Chị P trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên không xét. Về nợ: Chị P xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên không xét. Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua thẩm vấn công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Bùi Văn H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại số 26/2 ngõ 203 đường HQV, tổ 37, phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: Tòa án quận Cầu Giấy đã có quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 23/2019/QĐDS-ST ngày 14/10/2019 đối với anh Bùi Văn H. Tòa án cũng đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với anh Bùi Văn H. Song anh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa. Việc Tòa án không tiến

hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh P và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NĐ, quận Cầu Giấy, Hà Nội ngày 26/11/2009. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình cảm: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh H phát sinh do không hợp tính tình, quan điểm sống. Anh H đã không ở tại nơi cư trú của vợ chồng từ tháng 3 năm 2018; anh H đã bỏ đi ở đâu không rõ, gia đình không liên lạc được với anh H. Tòa án quận Cầu Giấy đã có quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 23/2019/QĐDS-ST ngày 14/10/2019 đối với anh Bùi Văn H. Song anh H vẫn vắng mặt trong toàn bộ quá trình tòa án giải quyết vụ án. Xét thấy việc anh H không ở tại nơi cư trú của vợ chồng và không có liên lạc gì với gia đình đã lâu, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị P trong tình trạng này kéo dài sẽ ảnh hưởng lớn tới cuộc sống của chị P, hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh H là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh chị, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị P và anh H hai con chung là: Bùi Nguyên P (nam), sinh 30/7/2012 và Bùi MA (nữ), sinh ngày 09/12/2016.

Xét thực tế, cả hai con chung của anh H và chị P đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng và chị P là người có công ăn việc làm, thu nhập ổn định. Anh H lại không rõ hiện ở đâu. Cháu P có nguyện vọng ở với chị P. Cháu MA còn nhỏ tuổi. Việc giao cả hai con chung là cháu P và cháu MA cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản (động sản và bất động sản): Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

[7] Về nợ: Chị P xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

[8] Về án phí: Chị P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Áp dụng:</u>

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

<u>Xử:</u>

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh P đối với anh Bùi Văn H. Chị Nguyễn Thanh P được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con: Chị Nguyễn Thanh P và anh Bùi Văn H có hai con chung là: Bùi Nguyên P (nam), sinh 30/7/2012 và Bùi MA (nữ), sinh ngày 09/12/2016.

Giao cả hai con chung là cháu Bùi Nguyên P và cháu Bùi MA cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Bùi Văn H.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản (động sản, bất động sản): Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

4. Về nợ: Chị P xác định chị và anh H không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa không xét.

5. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0003277

ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Xác định chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị P, vắng mặt anh H. Chị Nguyễn Thanh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Cầu Giấy.
- Đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Tuấn Anh